

Số: /BVĐKSD-VTTBYT

Sa Đéc, ngày tháng 02 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá bảo trì hệ
thống RO, máy thận nhân tạo 2026-2027
tại Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu bảo trì hệ thống RO, máy thận nhân tạo 2026-2027 tại Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ths. Cao Văn Tho, PTP Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế. ĐT: 0939161775.
 - Ths. Bùi Văn Bé Mười, Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế. ĐT: 0949.316.368.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Nguyễn Sinh Sắc, Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
 - Nhận qua email: vttbyt.bvdsd@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 09h00 ngày 03 tháng 02 năm 2026 đến trước 16h00 ngày 13 tháng 02 năm 2026.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

(Đính kèm mẫu báo giá)

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục yêu cầu báo giá: *(Phụ lục kèm theo)*
- Địa điểm cung cấp: Phòng Vật tư - Thiết bị Y tế, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc. Số 153, Nguyễn Sinh Sắc, Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 24 tháng.
 - Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Năm 2026.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Chuyển khoản và thanh toán sau khi nghiệm thu hoàn thành công việc

và cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

- Điều kiện thanh toán: Được cung cấp đầy đủ hóa đơn, biên bản nghiệm thu thiết bị và chứng từ hợp lệ.

- Thời hạn thanh toán: 90 ngày.

5. Các thông tin khác:

- Báo giá theo mẫu đính kèm.

- Các tài liệu chứng minh về thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn của nhà sản xuất đối với linh kiện, phụ kiện; các tài liệu liên quan (nếu có).

- Giấy ủy quyền ký báo giá trong trường hợp người ký báo giá không phải là người đại diện theo pháp luật.

- Giấy đăng ký kinh doanh.

- Năng lực kinh nghiệm của cơ sở cung cấp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BV;
- Lưu: VT, VTTBYT. Tho(01b).

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Tùng

PHỤ LỤC

Danh mục bảo trì hệ thống RO, máy thận nhân tạo 2026-2027 tại Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc

(Kèm theo Công văn số /BVĐKSD-VTTBYT ngày tháng 02 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc)

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
A	BẢO TRÌ VÀ THAY THẾ LINH KIỆN, VẬT TƯ HỆ THỐNG R.O 1500L/H (VNS 2 - PHÒNG LỌC THẬN 3)		Hệ thống	01
1	Kiểm tra, bảo trì và tẩy rửa khử khuẩn định kỳ	24 tháng	Hệ thống	01
1.1	Kiểm tra, bảo trì và hiệu chỉnh hệ thống R.O - Kiểm tra tại chỗ bằng thiết bị đo cầm tay các chỉ tiêu (hàm lượng chlorine, tổng chất rắn hòa tan TDS, độ dẫn điện EC, độ cứng Canxi và Magie) tại các vị trí: + Nước nguồn cấp cho hệ thống R.O. + Nước mềm sau cụm thiết bị tiền xử lý. + Nước thành phẩm sau máy R.O. + Nước R.O hồi lưu trên đường ống cấp qua phòng chạy thận. - Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống R.O. - Hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật bị sai lệch trên toàn bộ thiết bị.	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.2	Tẩy rửa, khử khuẩn hệ thống R.O và kiểm tra tồn dư hóa chất - Xả rửa bồn chứa nước thô - Tẩy rửa khử khuẩn bồn chứa nước R.O - Tẩy rửa khử khuẩn hệ thống đường ống cấp nước R.O đến các máy thận - Quy trình áp dụng và hoá chất sử dụng: theo Quyết định 2482/QĐ-BYT	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	- Biện pháp kiểm tra tồn dư hóa chất: máy đo hàm lượng Chlorine theo quy định - Người thực hiện có chứng chỉ: “thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận Nhân Tạo” hoặc chứng chỉ “sử dụng trang thiết bị y tế an toàn cho bệnh nhân lọc máu”			
1.3	Thay lõi lọc phân tử 5 micron - Lõi lọc polypropylene dạng sợi nén - Kích thước lỗ thấm 5 micron - Kích thước ngoài Φ62mm, dài 508mm - Số lượng lõi: 03 cái / lần thay thế - Tiêu chuẩn: ISO 9001: 2015	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.4	Thay lõi lọc vi sinh 0,2 micron (trên đầu đường ống cấp đến máy thận) - Lõi lọc polypropylene dạng gấp nếp xếp trong khung nhựa - Kích thước lỗ thấm 0,2 micron - Kích thước ngoài Φ68mm, dài 508mm - Số lượng lõi: 03 cái / lần thay thế - Tiêu chuẩn: ISO 9001: 2015	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.5	Thay lõi lọc vi sinh 0,2 micron định kỳ (trên đường ống hồi lưu) - Lõi lọc polypropylene dạng gấp nếp xếp trong khung nhựa - Kích thước lỗ thấm 0,2 micron - Kích thước ngoài Φ68mm, dài 508mm	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	- Số lượng lõi: 03 cái / lần thay thế - Tiêu chuẩn: ISO 9001: 2015			
1.6	Lấy mẫu gửi kiểm nghiệm các chỉ tiêu vi sinh - Mẫu tổng số vi sinh vật sống: 02 mẫu - Vị trí lấy mẫu: mẫu cuối đường hồi lưu và đầu vào máy thận bất kỳ - Nơi gửi mẫu: Viện Y tế Công cộng TP.HCM hoặc đơn vị tương đương có đủ chức năng. - Tiêu chuẩn áp dụng: ANSI/AAMI 13959:2014 (theo phụ lục 2, quy trình 7 trong Quyết định 2482/QĐ-BYT) hoặc tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 dùng cho chạy thận nhân tạo được BHYT đang áp dụng hiện nay. - Bao gồm dụng cụ lấy mẫu, chai lọ đựng mẫu vô trùng, bảo quản mẫu < 10°C, vận chuyển mẫu đến Viện Kiểm nghiệm. - Người thực hiện có chứng chỉ: “Thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận nhân tạo”	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.7	Lấy mẫu gửi kiểm nghiệm chỉ tiêu nội độc tố - Mẫu nội độc tố vi khuẩn (Endotoxin): 02 mẫu - Vị trí lấy mẫu: mẫu cuối đường hồi lưu và đầu vào máy thận bất kỳ. - Xét nghiệm ngưỡng giới hạn - Nơi gửi mẫu: Viện Y tế Công cộng TP. HCM hoặc Viện Kiểm nghiệm Thuốc TP. HCM hoặc đơn vị tương đương có đủ chức năng. - Tiêu chuẩn áp dụng: ANSI/AAMI 13959:2014 (theo phụ lục 2, quy trình 7 trong Quyết định 2482/QĐ-BYT) hoặc tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 dùng	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	cho chạy thận nhân tạo được BHYT đang áp dụng hiện nay - Bao gồm dụng cụ lấy mẫu, chai lọ đựng mẫu vô trùng, bảo quản mẫu < 10°C, vận chuyển mẫu đến Viện Kiểm nghiệm - Người thực hiện có chứng chỉ: “thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận Nhân Tạo”			
1.8	Lấy mẫu gửi kiểm nghiệm các chỉ tiêu hóa lý - Mẫu xét nghiệm 23 thành phần hóa học: 01 mẫu. - Vị trí lấy mẫu: mẫu cuối đường hồi lưu. - Nơi gửi mẫu: Viện Y tế Công cộng TP. HCM hoặc đơn vị tương đương có đủ chức năng. - Tiêu chuẩn áp dụng: ANSI/AAMI 13959:2014 (theo phụ lục 2, quy trình 7 trong Quyết định 2482/QĐ-BYT) hoặc tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 dùng cho chạy thận nhân tạo được BHYT đang áp dụng hiện nay - Bao gồm bình đựng mẫu sạch, vận chuyển mẫu đến Viện Kiểm nghiệm. - Người thực hiện có chứng chỉ: “Thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận nhân tạo”	Định kỳ 12 tháng 01 lần	Lần	02
2	Thay thế linh kiện, vật tư hệ thống R.O 1500 L/H (VNS 2 – PHÒNG LỌC THẬN 3)	24 tháng	Hệ thống	01
2.1	Thay nguyên liệu bộ lọc đa chất - Hạt lọc BIRM: + Công dụng khử sắt, mangan, kim loại nặng, tạp chất vô cơ, cặn lơ lửng... + Kích cỡ hạt: 12 x 50mesh	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Bộ	01

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	+ Qui cách bao: 1Cu.ft ($\approx$ 28lít) + Tiêu chuẩn: NSF hoặc tương đương + Số lượng: 03 bao - Cát thạch anh: + Kích cỡ hạt: 0,7 – 1,2mm + Qui cách bao: $\approx$ 50 kg + Số lượng: 01 bao + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất - Sỏi lọc nước: + Kích cỡ hạt: 5 – 10mm + Qui cách bao: $\approx$ 50kg + Số lượng: 01 bao - Ống lọc trung tâm: + Chất liệu: nhựa PVC + Số lượng: 01 bộ + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất			
2.2	Thay nguyên liệu bộ lọc than hoạt tính - Hạt lọc than hoạt tính: + Công dụng: khử dư lượng Chlorine, Fluoride, các tạp chất có nguồn gốc hữu cơ trong nước + Đạt tiêu chuẩn NSF hoặc tương đương + Qui cách bao: 25 kg	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Bộ	01

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	+ Số lượng: 03 bao - Sỏi lọc nước: + Kích cỡ hạt: 5 – 10mm + Qui cách bao: $\approx 50\text{kg}$ + Số lượng: 01 bao + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất - Ống lọc trung tâm + Chất liệu: nhựa PVC + Số lượng: 01 bộ			
2.3	Thay nguyên liệu bộ lọc làm mềm nước - Hạt lọc resin Na^+ + Công dụng trao đổi ion, khử Ca^{2+} , Mg^{2+} , (làm mềm nước) + Kích cỡ hạt: 0.6mm (± 0.05) + Tỷ trọng: 1.28 g/ml + Tiêu chuẩn: FDA hoặc tương đương + Qui cách bao: 25 lít + Số lượng: 05 bao + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất - Sỏi lọc nước: + Kích cỡ hạt: 5 – 10mm + Qui cách bao: $\approx 50\text{kg}$ + Số lượng: 01 bao	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Bộ	01

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	- Ống lọc trung tâm + Chất liệu: nhựa PVC + Số lượng: 01 bộ + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất			
2.4	Thay màng lọc R.O - Kích thước: $\geq \varnothing 7,9''$; dài 40'' - Lưu lượng xử lý max: $\geq 39 \text{ m}^3/\text{h}$ (1625 l/h) - Áp suất hoạt động max: 600 Psi (41,3 Bar) - Tỷ lệ khử muối $\geq 99,4 \%$ - Tiêu chuẩn: NSF hoặc tương đương	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Cái	01
2.5	Thay bóng đèn tia cực tím (nhúng chìm trong bồn chứa nước R.O) - Công dụng: diệt khuẩn trong bồn chứa nước R.O - Công suất: $\geq 32\text{W}$ (phù hợp với hệ thống hiện tại) - Nguồn điện sử dụng: 220V – 50Hz - Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 9.000 giờ - Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất	Thay định kỳ 12 tháng 01 lần	Cái	02
2.6	Thay bóng đèn UV (trên đường ống nước R.O cấp đến các máy chạy thận) - Công dụng: diệt khuẩn trên đường ống cấp nước R.O đến máy chạy thận - Công suất: $\geq 32\text{W}$ (phù hợp với đường ống hiện tại) - Nguồn điện sử dụng: 220V – 50Hz	Thay định kỳ 12 tháng 01 lần	Cái	02

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	- Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 9.000 giờ - Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất			
B	BẢO TRÌ VÀ THAY THẾ LINH KIỆN, VẬT TƯ HỆ THỐNG R.O 1500 L/H (VNS 3 – PHÒNG LỘC THẬN 1)		Hệ thống	01
1	Kiểm tra, bảo trì và tẩy rửa khử khuẩn định kỳ	24 tháng	Hệ thống	01
1.1	Kiểm tra, bảo trì và hiệu chỉnh hệ thống R.O - Kiểm tra tại chỗ bằng thiết bị đo cầm tay các chỉ tiêu (hàm lượng chlorine, tổng chất rắn hòa tan TDS, độ dẫn điện EC, độ cứng Canxi và Magie) tại các vị trí: + Nước nguồn cấp cho hệ thống R.O. + Nước mềm sau cụm thiết bị tiền xử lý. + Nước thành phẩm sau máy R.O. + Nước R.O hồi lưu trên đường ống cấp qua phòng chạy thận. - Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống R.O. - Hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật bị sai lệch trên toàn bộ thiết bị.	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.2	Tẩy rửa, khử khuẩn hệ thống R.O và kiểm tra tồn dư hóa chất - Xả rửa bồn chứa nước thô - Tẩy rửa khử khuẩn bồn chứa nước R.O - Tẩy rửa khử khuẩn hệ thống đường ống cấp nước R.O đến các máy thận - Quy trình áp dụng và hoá chất sử dụng: theo Quyết định 2482/QĐ–BYT - Biện pháp kiểm tra tồn dư hóa chất: máy đo hàm lượng Chlorine theo quy	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	định. - Người thực hiện có chứng chỉ: “thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận Nhân Tạo” hoặc chứng chỉ “sử dụng trang thiết bị y tế an toàn cho bệnh nhân lọc máu”			
1.3	Thay lõi lọc phân tử 5 micron - Lõi lọc polypropylene dạng sợi nén - Kích thước lỗ thấm 5 micron - Kích thước ngoài: Φ62mm, dài 508mm - Số lượng lõi: 05 cái / lần thay thế - Tiêu chuẩn: ISO 9001: 2015	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.4	Thay lõi lọc vi sinh 0,2 micron - Lõi lọc polypropylene dạng gấp nếp xếp trong khung nhựa - Kích thước lỗ thấm 0,2 micron - Kích thước ngoài Φ68mm, dài 508mm - Số lượng lõi: 03 cái / lần thay thế - Tiêu chuẩn: ISO 9001: 2015	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.5	Lấy mẫu gửi kiểm nghiệm các chỉ tiêu vi sinh - Mẫu tổng số vi sinh vật sống: 02 mẫu - Vị trí lấy mẫu: mẫu cuối đường hồi lưu và đầu vào máy thận bất kỳ - Nơi gửi mẫu: Viện Y tế Công cộng TP. HCM hoặc đơn vị tương đương có đủ chức năng. - Tiêu chuẩn áp dụng: ANSI/AAMI 13959:2014 (theo phụ lục 2, quy trình 7	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	trong Quyết định 2482/QĐ-BYT) hoặc tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 dùng cho chạy thận nhân tạo được BYT đang áp dụng hiện nay - Bao gồm dụng cụ lấy mẫu, chai lọ đựng mẫu vô trùng, bảo quản mẫu < 10°C, vận chuyển mẫu đến Viện Kiểm nghiệm. - Người thực hiện có chứng chỉ: “Thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận nhân tạo”			
1.6	Lấy mẫu gửi kiểm nghiệm chỉ tiêu nội độc tố - Mẫu nội độc tố vi khuẩn (Endotoxin): 02 mẫu - Vị trí lấy mẫu: mẫu cuối đường hồi lưu và đầu vào máy thận bất kỳ. - Xét nghiệm ngưỡng giới hạn - Nơi gửi mẫu: Viện Y tế Công cộng Tp HCM hoặc Viện Kiểm nghiệm Thuốc TP. HCM hoặc đơn vị tương đương có đủ chức năng. - Tiêu chuẩn áp dụng: ANSI/AAMI 13959:2014 (theo phụ lục 2, quy trình 7 trong Quyết định 2482/QĐ-BYT) hoặc tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 dùng cho chạy thận nhân tạo được BYT đang áp dụng hiện nay - Bao gồm dụng cụ lấy mẫu, chai lọ đựng mẫu vô trùng, bảo quản mẫu < 10°C, vận chuyển mẫu đến Viện Kiểm nghiệm - Người thực hiện có chứng chỉ: “Thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận nhân tạo”	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08
1.7	Lấy mẫu gửi kiểm nghiệm các chỉ tiêu hóa lý - Mẫu xét nghiệm 23 thành phần hóa học: 01 mẫu. - Vị trí lấy mẫu: mẫu cuối đường hồi lưu. - Nơi gửi mẫu: Viện Y tế Công cộng TP. HCM hoặc đơn vị tương đương có đủ chức năng.	Định kỳ 12 tháng 01 lần	Lần	02

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	- Tiêu chuẩn áp dụng: ANSI/AAMI 13959:2014 (theo phụ lục 2, quy trình 7 trong Quyết định 2482/QĐ-BYT) hoặc tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 dùng cho chạy thận nhân tạo được BHYT đang áp dụng hiện nay - Bao gồm bình đựng mẫu sạch, vận chuyển mẫu đến Viện Kiểm nghiệm. - Người thực hiện có chứng chỉ: “Thực hành tẩy trùng hệ thống R.O và lấy mẫu xét nghiệm nước R.O Thận nhân tạo”			
2	Thay thế linh kiện, vật tư hệ thống R.O 1500 L/H (VNS 3 – PHÒNG LỌC THẬN 1)	24 tháng	Hệ thống	01
2.1	Thay nguyên liệu bộ lọc đa chất - Hạt lọc BIRM: + Công dụng khử sắt, mangan, kim loại nặng, tạp chất vô cơ, cặn lơ lửng... + Kích cỡ hạt: 12 x 50mesh + Qui cách bao: 1Cu.ft ($\approx$ 28lít) + Tiêu chuẩn: NSF hoặc tương đương + Số lượng: 03 bao - Cát thạch anh: + Kích cỡ hạt: 0,7 – 1,2mm + Qui cách bao: $\approx$ 50 kg + Số lượng: 01 bao + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất - Sỏi lọc nước: + Kích cỡ hạt: 5 – 10mm + Qui cách bao: $\approx$ 50kg + Số lượng: 01 bao	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Bộ	01

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	+ Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất - Ống lọc trung tâm: + Chất liệu: nhựa PVC + Số lượng: 01 bộ + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất			
2.2	Thay nguyên liệu bộ lọc than hoạt tính - Hạt lọc than hoạt tính: + Công dụng: khử dư lượng Chlorine, Fluoride, các tạp chất có nguồn gốc hữu cơ trong nước + Đạt tiêu chuẩn NSF hoặc tương đương + Qui cách bao: 25 kg + Số lượng: 03 bao - Sỏi lọc nước: + Kích cỡ hạt: 5 – 10mm + Qui cách bao: ≈ 50kg + Số lượng: 01 bao + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất - Ống lọc trung tâm + Chất liệu: nhựa PVC + Số lượng: 01 bộ + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Bộ	01

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
2.3	Thay nguyên liệu bộ lọc làm mềm nước - Hạt lọc resin Na ⁺ + Công dụng trao đổi ion, khử Ca ²⁺ , Mg ²⁺ , (làm mềm nước) + Kích cỡ hạt: 0.6mm (±0.05) + Tỷ trọng: 1.28 g/ml + Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương + Qui cách bao: 25 lít + Số lượng: 05 bao - Sỏi lọc nước: + Kích cỡ hạt: 5 – 10mm + Qui cách bao: ≈ 50kg + Số lượng: 01 bao + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất - Ống lọc trung tâm + Chất liệu: nhựa PVC + Số lượng: 01 bộ + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Bộ	01
2.4	Thay màng lọc R.O - Kích thước: ≥ Ø7,9”; dài 40” - Lưu lượng xử lý max: ≥ 39 m ³ /h (1625 l/h) - Áp suất hoạt động max: 600 Psi (41,3 Bar) - Tỷ lệ khử muối ≥ 99,4 %	Thay thế định kỳ sau 24 tháng sử dụng	Cái	01

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	- Tiêu chuẩn: NSF hoặc tương đương			
2.5	Thay bóng đèn tia cực tím (nhúng chìm trong bồn chứa nước R.O) - Công dụng: diệt khuẩn trong bồn chứa nước R.O - Công suất: $\geq 32W$ (phù hợp với hệ thống hiện tại) - Nguồn điện sử dụng: 220V – 50Hz - Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 9.000 giờ + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất	Thay thế định kỳ sau 12 tháng 01 lần	Cái	02
2.6	Thay bóng đèn UV (trên đường ống nước R.O cấp đến các máy chạy thận) - Công dụng: diệt khuẩn trên đường ống cấp nước R.O đến máy chạy thận - Công suất: $\geq 32W$ (phù hợp với đường ống hiện tại) - Nguồn điện sử dụng: 220V – 50Hz - Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 9.000 giờ + Tiêu chuẩn: của nhà sản xuất	Thay thế định kỳ sau 12 tháng 01 lần	Cái	02
C	Kiểm tra bảo trì máy rửa màng lọc thận khu 20 máy thận		Máy	02
1	- Kiểm tra bảo trì máy rửa màng lọc - Kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng máy rửa màng lọc. - Hiệu chỉnh các thông số kỹ thuật bị sai lệch trên toàn bộ thiết bị.	Định kỳ 03 tháng 01 lần	Lần	08

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
D	BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG CÁC MÁY THẬN NHÂN TẠO		Máy	40
1	Thực hiện công việc bảo trì, bảo dưỡng: - Kiểm tra các chi tiết liên quan đến hệ thống thủy lực: cổng Bibag; quả lọc dummy (diasafe plus); cổng hút dịch A/B. - Kiểm tra hệ thống thủy lực: Vệ sinh phin lọc A/B; vệ sinh phin lọc 210; kiểm tra BLD trong calibration mode. - Kiểm tra tính chính xác của conductivity và nhiệt độ dịch lọc. - Kiểm tra tính chính xác của cảm biến áp lực động mạch, tĩnh mạch. - Kiểm tra bộ phát hiện khí và kẹp tĩnh mạch. - Kiểm tra áp lực các điểm A; B; C; D. - Vệ sinh phin lọc bơm rút ký và kiểm tra tính chính xác của bơm rút ký (UF pump). - Kiểm tra tính chính xác áp lực dịch lọc, áp lực xuyên màng TMP. - Súc rửa cổng lấy mẫu dịch khi tẩy trùng nóng. - Cân chỉnh dòng dịch: 300ml/phút; 500ml/phút; 800ml/phút. - Kiểm tra thể tích buồng cân bằng. - Kiểm tra thể tích bơm hút dịch A/B. - Cân chỉnh nhiệt độ dịch lọc. - Cân chỉnh conductivity dịch lọc. - Cân chỉnh áp lực dịch lọc. <i>(Thực hiện công việc bảo trì, bảo dưỡng không bao gồm linh kiện, phụ kiện bị hư hỏng phát sinh trong thời gian thực hiện hợp đồng).</i>	Định kỳ 06 tháng 01 lần	Lần	04
2	Thực hiện công việc tổng quát chung quanh máy: - Kiểm tra nhãn mác (nguyên vẹn, rõ ràng...) - Kiểm tra hệ thống cấp nước, xả nước			

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	- Kiểm tra dây nguồn cấp cho máy thận. - Kiểm tra pin dự trữ trong chế độ power failure - Thời gian của lần tẩy trùng sau cùng - Thay lưới lọc tại bộ nguồn - Vệ sinh phin lọc hóa chất tẩy rửa máy - Vệ sinh làm sạch vỏ trong, vỏ ngoài máy, làm sạch gỉ, ... - Vệ sinh, bổ sung dầu, mỡ của các chi tiết máy (Bơm, van, màng lọc...) - Khắc phục các lỗi nhỏ không phát sinh chi phí (nếu có).			
3	Thực hiện công việc khác: - Trong thời gian cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, nếu phát hiện máy thận hư hỏng cần sửa chữa hoặc thay mới linh kiện, vật tư, cơ sở cung cấp dịch vụ phải có biện pháp khắc phục tạm thời để đảm bảo cho máy thận hoạt động (không làm gián đoạn hoạt động chạy thận nhân tạo của Chủ Đầu tư) - Các thiết bị, dụng cụ cần thiết cho việc bảo trì bảo dưỡng do cơ sở cung cấp dịch vụ tự trang bị và chịu trách nhiệm. - Lập biên bản bảo trì bảo dưỡng: + Lập biên bản trước bảo trì, bảo dưỡng: nêu hiện trạng của máy thận + Sau khi hoàn tất công việc bảo trì, bảo dưỡng: lập biên bản hoàn thành công việc cho từng máy thận sau khi đã hoàn tất công việc bảo trì, bảo dưỡng; nêu khuyến cáo về việc cần sửa chữa, thay mới linh kiện, vật tư liên quan đến máy thận (nếu có).			
4	Thực hiện xử lý sự cố (trong thời gian thực hiện hợp đồng):			

Stt	Nội dung	Thời gian	ĐVT	Số lượng
	Khi có bất kỳ sự cố liên quan đến máy thận nhân tạo: - Hỗ trợ xử lý từ xa: Khi tiếp nhận thông tin từ đại diện Chủ Đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ phải đáp ứng tất cả các cuộc gọi khi máy thận gặp sự cố. - Nếu không khắc phục được sau khi hỗ trợ từ xa: đại diện cơ sở cung cấp dịch vụ phải có mặt trực tiếp để xử lý, thời gian tối đa là 24 giờ sau khi nhận được thông tin từ Chủ Đầu tư.			

Tên công ty/cơ sở:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của..... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho dịch vụ và các thiết bị, linh kiện, phụ kiện, vật tư liên quan:

1.1. Dịch vụ:

(* theo nội dung của thông báo mời báo giá)

1.2. các thiết bị, linh kiện, phụ kiện, vật tư liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(12)
(Ký tên, đóng dấu)